

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA VIỄN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/ 3/ 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hoàng Giáp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.

Ông Nguyễn Văn Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị O, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện B, thành phố H.

- Bị đơn: anh Phạm Văn Q, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: thôn 2 Đ, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình.

Chị O vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày: Chị và anh Phạm Văn Q được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/8/2012 tại UBND xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh Q hay chơi bời không chịu tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng to tiếng cãi cọ nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn đến đầu năm 2021 chị và anh Q đã sống ly thân nhau hoàn toàn, anh Q đã về nhà tại thôn 2 Đ, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình còn chị O và con sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn Vân Sa 1, xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; hai vợ chồng ít liên lạc hay gặp gỡ và không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn được nên chị làm đơn đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Về con chung: Chị Lê Thị O và anh Phạm Văn Q có một con chung là cháu Phạm Huy H, sinh ngày 22/01/2013; hiện nay cháu Hoàng đang ở với chị O. Khi ly hôn chị O đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Huy H. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O không đề nghị anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị O xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng nhưng anh Q đã không đến Tòa án làm việc.

Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại thôn 2 Đ, xã G; tại UBND xã G; xác minh nơi cư trú tại công an xã G; kết quả xác nhận: anh Phạm Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 2 Đ, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình; chị O hiện không chung sống cùng anh Q. Đại diện cán bộ thôn 2 Đ cung cấp việc chị O không rõ vì nguyên nhân gì mà rất lâu không có mặt tại nhà anh Q. Đòi với anh Q là lao động tự do, không có công việc cụ thể do đó không xác định được thu nhập của anh Q. Ủy ban nhân dân xã G cung cấp mức thu nhập trung bình của người dân trên địa bàn xã Gia Thịnh năm 2022 là khoảng 56.400.000 đồng/năm tương ứng với 4.700.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị O vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn Q vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn trình bày ý kiến việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Lê Thị O được ly hôn anh Phạm Văn Q; Về con chung đề nghị giao cháu Phạm Huy H cho chị Lê Thị O tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Hoàng đủ 18 tuổi; anh Q không phải đóng góp tiền nuôi con chung, không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; chị O phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn với bị đơn là anh Phạm Văn Q có nơi cư trú tại: xã G, huyện GV, tỉnh NB. Quá trình tố tụng, vụ việc được chuyển sang thủ tục hòa

giải đôi thoại tại Tòa án, tuy nhiên việc hòa giải, đôi thoại đã chấm dứt theo khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải Đôi thoại tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Phạm Văn Q. Anh Phạm Văn Q vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Anh Phạm Văn Q vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa, chị Lê Thị O vắng mặt lần thứ nhất tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị O và anh Phạm Văn Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, thành phố HN ngày 03/8/2012. Việc kết hôn của chị O, anh Q đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị O và anh Phạm Văn Q là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như trình bày của chị O tại Tòa án, xác định quá trình chung sống chị O và anh Q hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm. Thực tế chị O và anh Q đã sống ly thân hoàn toàn trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Anh Q mặc dù đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc, hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh Q vẫn cố tình vắng mặt, không tham gia các buổi làm việc, hòa giải. Như vậy, chứng tỏ anh Q không có thiện chí, không hợp tác để Tòa án hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Lê Thị O và anh Phạm Văn Q đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị O.

[3]. Về con chung: Qua trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ xác định chị O và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Huy H, sinh ngày 22/01/2013. Hiện nay, cháu đang ở với chị O. Khi ly hôn chị O muốn được trực tiếp nuôi con và không đề nghị anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hiện nay, chị Lê Thị O là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại V với mức lương trung bình 15.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy bản thân chị O và anh Q đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ đối với con của mình và

anh chị đều là người có đủ điều kiện sức khỏe, có khả năng tạo ra thu nhập và các điều kiện khác để chăm con chung thật tốt. Tuy nhiên, xét thấy cháu Phạm Huy H đã ở với chị O từ nhỏ, hiện nay vẫn đang tiếp tục ở với chị O; chị O cũng chăm sóc cho cháu rất tốt, đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho cháu học tập và phát triển; bản thân cháu Hoàng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu cần tiếp tục giao cho chị Lê Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phạm Huy H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: chị O là người có đủ khả năng lao động và có thu nhập ổn định nên chị O có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Trong yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị O giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị O xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết; anh Q vắng mặt không có ý kiến gì vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị O.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lê Thị O được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị O tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Huy H, sinh ngày 22/01/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Lê Thị O.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị Lê Thị O xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004092 ngày 13/10/2022.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
- UBND xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, tp. Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lã Hoàng Giáp